

Số: 3694 /QĐ-UBND

Xuân Trường, ngày 06 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng
xã Xuân Phú đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 574/UBND-VP5 ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng xã;

Căn cứ Công văn số 1672/SXD-QH ngày 20/10/2021 của Sở Xây dựng Nam Định hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã;

Căn cứ Công văn số 445/UBND-KT&HT ngày 30/8/2021 của UBND huyện Xuân Trường về việc tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng xã;

Căn cứ Thông báo số 227/TB-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện

Xuân Trường về lập quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Phú đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 6328/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện Xuân Trường về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Phú đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 929/SXD-QH ngày 08/6/2022 của Sở Xây dựng Nam Định ý kiến đối với Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Tân, Xuân Hồng, Xuân Vinh, Xuân Thủy, Xuân Phú, huyện Xuân Trường;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND xã Xuân Phú khóa XXI về việc thông qua nội dung Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Phú đến năm 2030;

Xét đề nghị của UBND xã Xuân Phú tại Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 30/8/2022 và văn bản thẩm định số 24/KT&HT ngày 27/6/2022 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Phú đến năm 2030 với các nội dung sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

- Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Phú đến năm 2030.

- Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

Lập quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030 trong phạm vi toàn bộ địa giới hành chính của xã Xuân Phú với diện tích 723,64 ha.

+ Phía Bắc giáp xã Xuân Tân.

+ Phía Nam giáp huyện Giao Thủy.

+ Phía Đông giáp xã Xuân Đài.

+ Phía Tây giáp xã Thọ Nghiệp.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

- Mục tiêu lập quy hoạch:

+ Quy hoạch xây dựng chung xã phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của địa phương; cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Xuân Trường.

+ Tiết kiệm đất đai, sử dụng đất hợp lý, có hiệu quả.

+ Triển khai từng bước, đồng bộ công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định.

+ Làm cơ sở cho việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng, lập các dự án đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

- Tính chất, chức năng của xã:

Là xã thuộc khu vực cửa ngõ phía Nam của huyện, có hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, phục vụ cho mục tiêu công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông thôn; phát triển đồng đều về nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ thương mại.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.1. Dự báo phát triển dân số và cơ cấu lao động

- Dân số trên địa bàn xã đến năm 2030 là 9.684 người.
- Dự báo về cơ cấu lao động:

Lao động làm việc trong các ngành phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ trên 65%.

3.2. Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

3.2.1. Chỉ tiêu một số công trình hạ tầng xã hội

STT	Công trình	Chỉ tiêu sử dụng đất
I	Cấp xã	
1	Trụ sở UBND xã	$\geq 1.000 \text{ m}^2$
2	Nhà văn hoá xã	$\geq 1.000 \text{ m}^2$
3	Khu thể thao xã	$\geq 2.000 \text{ m}^2$ (chưa tính sân vận động)
4	Trạm y tế	$\geq 1.000 \text{ m}^2$ (có vườn thuốc)
		$\geq 500 \text{ m}^2$ (không có vườn thuốc)
5	Bưu điện văn hoá xã	$\geq 150 \text{ m}^2$
6	Chợ xã	$\geq 1.500 \text{ m}^2$ (đối với xã có quy hoạch chợ)
7	Trụ sở Công an xã	$1.000 \text{ m}^2 - 2.000 \text{ m}^2$
8	Trường học	
	+ Trường Mầm non	$\geq 12 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
	+ Trường Tiểu học	$\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
	+ Trường THCS	$\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
II	Cấp thôn, xóm	
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn (xóm)	
	+ Nhà văn hoá thôn (xóm)	Nhà văn hoá thôn (xóm) có tổng diện tích $\geq 300 \text{ m}^2$ (có thể có nhiều vị trí gộp lại)
	+ Khu thể thao thôn (xóm)	Khu thể thao thôn (xóm) có tổng diện tích $\geq 500 \text{ m}^2$ (có thể có nhiều vị trí gộp lại)

3.2.2. Các chỉ tiêu chính về hạ tầng kỹ thuật

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu
1	Đường giao thông	
	+ Quốc lộ	Theo quy hoạch của cấp trên
	+ Tỉnh lộ	Theo quy hoạch của cấp trên
	+ Huyện lộ	Theo quy hoạch của huyện
	+ Đường trục xã, liên xã	Cấp IV, cấp V đồng bằng, cấp A
	+ Đường trục chính thôn, xóm	Cấp A, cấp B, cấp C
	+ Đường trục chính nội đồng	Cấp B, cấp C, cấp D
2	Cấp điện sinh hoạt	Tối thiểu 150W/người
3	Cấp nước sinh hoạt	Tối thiểu 60lít/người/ngày đêm

Các chỉ tiêu khác tuân thủ theo Quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng và các văn bản khác có liên quan.

4. Phân khu chức năng

- Hệ thống trung tâm xã: Đề tương xứng với tiềm năng, động lực phát triển của xã trong giai đoạn tiếp theo, đồng thời bảo đảm tính kết nối liên hoàn, định hướng hình thành khu trung tâm xã là khu vực xung quanh trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã. Khu trung tâm xã sẽ bao gồm hệ thống các công trình trụ sở, sân thể thao xã, khu công viên cây xanh, trường học, y tế, an ninh, khu dịch vụ thương mại, khu dân cư tập trung, ...

- Hệ thống thôn, xóm, các khu dân cư tập trung: Ngoài các thôn, xóm hiện có quy hoạch các khu dân cư tập trung, các khu ở mới nhỏ lẻ nằm xen kẽ với các khu dân cư cũ, mới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng trong tương lai đồng thời chỉnh trang và khép kín các khu dân cư hiện có.

- Khu sản xuất: Gồm các khu vực sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, ...); sản xuất công nghiệp và các vị trí nhỏ lẻ khác.

5. Định hướng tổ chức không gian xã

5.1. Hệ thống trung tâm hành chính, công cộng, công trình y tế, văn hoá - thể thao, giáo dục, tôn giáo - di tích

5.1.1. Trụ sở Đảng ủy - HĐND – UBND xã

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

5.1.2. Hợp tác xã

Quy hoạch một phần đất của Hợp tác xã hiện có thành đất ở mới với diện tích 0,1 ha. Diện tích đất Hợp tác xã còn lại là 0,08 ha.

5.1.3. Bưu điện

Quy hoạch mới tại phía Bắc nghĩa trang liệt sỹ với diện tích 200 m².

5.1.4. Nhà văn hoá

a) Nhà văn hóa xã

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

b) Nhà văn hóa các xóm:

- Nhà văn hoá xóm 1 mới: sử dụng nhà văn hóa xóm 2 cũ là nơi sinh hoạt chung, diện tích 540 m².

- Nhà văn hoá xóm 2 mới: sử dụng nhà văn hóa xóm 3 cũ là nơi sinh hoạt chung, diện tích 1200 m².

- Nhà văn hoá xóm 3 mới: sử dụng nhà văn hóa xóm 6 cũ là nơi sinh hoạt chung, diện tích 1000 m².

- Nhà văn hoá xóm 4 mới: sử dụng nhà văn hóa xóm 8 cũ là nơi sinh hoạt chung, diện tích 1000 m².

- Nhà văn hoá xóm 5 mới: sử dụng nhà văn hóa xóm 9 cũ là nơi sinh hoạt chung, diện tích 1000 m².

- Nhà văn hoá xóm 6 mới: sử dụng nhà văn hóa xóm 14 cũ là nơi sinh hoạt chung, diện tích 1230 m².

- Nhà văn hoá xóm 7 mới: sử dụng nhà văn hóa xóm 13 cũ là nơi sinh hoạt chung, diện tích 1200 m².

Các nhà văn hoá các xóm cũ khác hiện có được sử dụng cho mục đích công cộng.

5.1.5. Khu công viên cây xanh, TDDT

a) Sân thể thao trung tâm xã

Định hướng quy hoạch sân thể thao trung tâm xã tại phía Nam nghĩa trang liệt sỹ xã với diện tích 1,4 ha.

b) Sân thể thao phục vụ các xóm

- Sân thể thao khu vực phía Bắc xã: Quy hoạch trên phần đất nông nghiệp tại xóm 2 cũ với diện tích 1.000 m².

- Sân thể thao khu vực phía Nam xã: Quy hoạch trên phần đất nông nghiệp tại xóm 12 cũ với diện tích 2.000 m².

c) Khu công viên cây xanh

Quy hoạch khu công viên cây xanh tập trung tại phía Tây Nam nghĩa trang liệt sỹ xã với diện tích 3,3 ha.

5.1.6. Các công trình giáo dục

- Trường mầm non:

+ Trường mầm non khu A: Giữ nguyên vị trí và diện tích.

+ Trường mầm non khu B: Nằm tại xóm 12 cũ, định hướng quy hoạch mở

rộng về phía Nam với diện tích 0,9 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 1,2 ha.

- Trường tiểu học:

- + Trường tiểu học khu A: Quy hoạch mở rộng về phía Nam trên phần đất nông nghiệp với diện tích 0,24 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 1,05 ha.

- + Trường tiểu học khu B: Giữ nguyên vị trí và diện tích.

- Trường THCS: quy hoạch mở rộng về phía Nam vào phần đất sân thể thao xã, đất công cộng hiện có với diện tích 0,33 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 0,71 ha.

- Quy hoạch đất giáo dục tại phía Tây sân thể thao thể thao xã với diện tích 1,6 ha để phục vụ nhu cầu mở rộng trong tương lai.

5.1.7. Trụ sở công an xã

Quy hoạch mới tại phía Nam trụ sở Đảng uỷ - HĐND – UBND xã với diện tích 0,18 ha.

5.1.8. Chợ xã

Quy hoạch mở rộng về phía Đông thêm 0,03 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 0,26 ha.

5.1.9. Trạm y tế

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

5.1.10. Các công trình di tích, tôn giáo, tín ngưỡng

- Quy hoạch mở rộng chùa Thắng Quang về phía Đông với diện tích 0,2 ha.

- Quy hoạch mở rộng nhà thờ Lạc Thành trên phần đất nông nghiệp với diện tích 0,11 ha.

- + Quy hoạch mở rộng giáo họ Trung Đồng trên phần đất nông nghiệp với diện tích 0,08 ha.

- + Quy hoạch mở rộng nhà thờ Phù Sa với diện tích 0,1 ha.

5.1.11. Nghĩa trang liệt sỹ

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

5.1.12. Các công trình công cộng khác

Quy hoạch đất công cộng phía Nam trụ sở Đảng uỷ - HĐND – UBND xã với diện tích 1,3 ha.

* Định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ:

- Đối với trung tâm hành chính, công trình công cộng xã: Định hướng đầu tư xây dựng, phát triển tạo tính kết nối liên hoàn thành hệ thống, có kiến trúc cảnh quan mang tính thẩm mỹ và đặc trưng riêng. Thực hiện cải tạo chỉnh trang đối với những công trình đã xuống cấp hoặc chưa đáp ứng được nhu cầu sử

dụng. Tầng cao xây dựng tối đa với các công trình trụ sở, công cộng là 5 tầng.

- Đối với các công trình dịch vụ thương mại: Hình thái kiến trúc phải đảm bảo tính hiện đại, thẩm mỹ và đề cao công năng sử dụng.

5.2. Quy hoạch định hướng phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn

+ Vị trí 1: Trên phần đất nông nghiệp phía Nam xóm 2, diện tích 7,7 ha.

+ Vị trí 2: Trên phần đất nông nghiệp phía Nam khu trung tâm xã, diện tích 13,5 ha.

+ Vị trí 3: Trên phần đất nông nghiệp phía Tây Nam xã, diện tích 3,6ha.

- Quy hoạch các khu ở mới nhỏ lẻ nằm xen kẽ với các khu dân cư cũ, nhằm khép kín và chỉnh trang các điểm dân cư với tổng diện tích là 15,2 ha.

* Định hướng kiến trúc các khu dân cư:

+ Đối với các khu dân cư tập trung quy hoạch mới tại khu trung tâm xã và khu vực giáp các trục đường tỉnh, đường huyện: Định hướng xây dựng các công trình nhà ở theo dạng nhà lô phố hoặc nhà vườn, mang tính thẩm mỹ, với ngôn ngữ kiến trúc hiện đại hoặc kết hợp với các giá trị không gian truyền thống. Tầng cao xây dựng tối đa 7 tầng đối với dạng nhà lô phố và 03 tầng chính đối với dạng nhà vườn.

+ Đối với các khu vực làng xóm hiện hữu và các khu ở mới xen kẽ: Khuyến khích đầu tư xây dựng công trình nhà ở gắn kết với không gian truyền thống đặc trưng của vùng nông thôn, đảm bảo hài hoà trong tổng thể phát triển chung của xã.

5.3. Định hướng quy hoạch khu dịch vụ thương mại

Quy hoạch khu đất dịch vụ thương mại trên phần đất nông nghiệp phía Bắc xóm 2 cũ với diện tích 0,76 ha.

5.4. Định hướng phát triển sản xuất công nghiệp

- Quy hoạch đất công nghiệp trên phần đất nông nghiệp tại xóm 9 cũ với diện tích 11,6 ha.

- Quy hoạch đất công nghiệp trên phần đất nông nghiệp tại xóm 14 cũ với diện tích 6,3 ha.

5.5. Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp

- Vùng trồng lúa với tổng diện tích 305,26 ha.

- Vùng đất trồng trọt khác với tổng diện tích 19,44 ha.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất

6.1. Hệ thống giao thông

6.1.1. Giao thông đối ngoại

- Tỉnh lộ 488: từ dốc Ngõ Đồng đi lên phía Bắc xã, chiều dài khoảng 1,2km, thực hiện theo quy hoạch của tỉnh được phê duyệt.

- Huyện lộ Phú Đài: qua trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã theo hướng Bắc Nam, chiều dài khoảng 3,0km, quy hoạch mở rộng với quy mô đường cấp IV đồng bằng.

6.1.2. Giao thông đối nội

a) Đường trục xã, liên xã

- Đường trục xã (TX1): Từ cầu ông Uy đến giáp công Ngõ Đồng với chiều dài khoảng 4 km, quy hoạch mở rộng với quy mô tối thiểu đường cấp IV đồng bằng.

- Đường trục xã (TX2): Từ nhà bà Bằng đến đê (từ nhà thờ đôi đến đê nước) với chiều dài khoảng 2,3 km, quy hoạch mở rộng với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

- Đường trục xã (TX3): Từ giáp xã Thọ Nghiệp đến công ông Đồng (cầu Đen) với chiều dài khoảng 1,8 km, quy hoạch mở rộng với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

- Đường trục xã (TX4): Từ công ông Uy đến nhà máy nước sạch với chiều dài khoảng 3,2 km, quy hoạch mở rộng với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

- Đường trục xã (TX5): Từ cầu ông Đình đến xã Xuân Đài với chiều dài khoảng 2,8 km, quy hoạch mở rộng với quy mô tối thiểu đường cấp IV đồng bằng.

b) Đường trục thôn xóm

- Tuyến đường TT1: theo hướng Đông Tây qua xóm 1 cũ với chiều dài khoảng 0,9 km (đường trục xóm 1), giữ nguyên quy mô hiện trạng.

- Tuyến đường TT2: theo hướng Đông Tây qua xóm 2 cũ với chiều dài khoảng 0,8 km (đường trục xóm qua Công ty May Minh Nhung), giữ nguyên quy mô hiện trạng.

- Tuyến đường TT3: kết nối xóm 4, xóm 9 cũ với chiều dài khoảng 0,6 km (từ nhà ông Hùng đến nhà thờ Truyền Tin), giữ nguyên quy mô hiện trạng.

- Tuyến đường TT4: kết nối xóm 9, xóm 11 cũ với chiều dài khoảng 1,6 km (đường xóm 9 cũ), quy hoạch mở rộng với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

- Tuyến đường TT5: qua xóm 9, xóm 10 cũ với chiều dài khoảng 1,2 km (đường bên nhà thờ Thượng Đồng, xóm 9 cũ), quy hoạch mở rộng với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

+ Tuyến đường TT6: kết nối xóm 8, xóm 13, xóm 14 cũ với chiều dài khoảng 2,2 km (phía Nam nhà thờ đôi đến đê nước), quy hoạch B mặt=3,5m, B

nền = 5,5m.

+ Tuyến đường TT7: qua nhà văn hóa xóm 6 cũ đến đường ra khu xử lý rác thải với chiều dài khoảng 0,5 km, giữ nguyên quy mô hiện trạng.

+ Tuyến đường TT8: qua xóm 14 cũ với chiều dài khoảng 0,7 km (đối diện nhà văn hóa xóm 14 cũ), quy hoạch mở rộng với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

+ Tuyến đường TT9: qua xóm 15, xóm 12, xóm 13 cũ với chiều dài khoảng 1,3 km (đường trường mầm non khu B), quy hoạch B mặt=3,5m, B nền = 5,5m.

+ Tuyến đường TT10: qua xóm 12 cũ với chiều dài khoảng 0,6 km (đường trại giống xóm 12 cũ), quy hoạch mở rộng với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

+ Tuyến đường TT11: qua xóm 12, xóm 15, xóm 10 cũ với chiều dài khoảng 2,6 km, quy hoạch mở rộng với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

+ Tuyến đường TT12: qua xóm 6, xóm 7 cũ với chiều dài khoảng 1,2 km (từ nhà văn hóa xóm 8 cũ đến hết nhà Mỹ), quy hoạch mở rộng với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

+ Tuyến đường TT13: qua xóm 5 cũ với chiều dài khoảng 0,7 km (đường từ xóm 4 cũ đến khu xử lý rác thải), quy hoạch mở rộng với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

c) Các trục đường quy hoạch mới khác

Quy hoạch tuyến đường phục vụ khu công viên cây xanh trung tâm xã và các chức năng mới khác với quy mô B mặt=7m, B nền = 15m.

d) Giao thông nội đồng

Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng, củng cố hệ thống đường trục chính nội đồng bảo đảm đạt tiêu chí nông thôn mới, đáp ứng nhu cầu cơ giới hoá, công nghiệp hoá nông nghiệp.

6.2. Định hướng cấp nước

- Nguồn cấp nước cho xã Xuân Phú sẽ tiếp tục được đầu nối từ nhà máy nước Xuân Tân.

- Mạng đường ống hiện trạng: cải tạo tuyến ống xuống cấp do sử dụng lâu năm, đồng thời đầu nối với mạng đường ống quy hoạch mới để đảm bảo cấp nước được liên tục khi xảy ra sự cố.

- Mạng đường ống quy hoạch mới: được quy hoạch là mạng kín và mạng hở kết hợp, mạng dịch vụ được đầu nối vào mạng lưới đường ống phân phối để cấp cho các khu vực, có đường kính từ D63 đến D160.

6.3. Định hướng cấp điện

- Nguồn cấp điện cho xã Xuân Phú được lấy từ lưới điện trung thế 22kV.
- Tiếp tục duy trì, nâng cấp hệ thống lưới điện trên địa bàn xã và hệ thống các trạm biến áp hiện hữu để cấp điện cho các khu vực hiện trạng.
- Quy hoạch thêm 02 trạm biến áp với tổng công suất là 2240kVA để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện tại các khu vực quy hoạch chức năng mới. Vị trí cụ thể do ngành điện khảo sát và bố trí.
- Đối với khu vực sản xuất công nghiệp sẽ do Điện lực Nam Định tính toán trạm biến áp để cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất.

6.4. Hệ thống thủy lợi

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy tuyến kênh cấp 1, cấp 2.
- Thực hiện kiên cố hoá các tuyến kênh cấp 2, kênh đất cấp 3 còn lại, đảm bảo phục vụ tưới tiêu nông nghiệp.

6.5. Hệ thống thoát nước

- Hướng thoát nước chủ yếu từ các kênh cấp 2, cấp 3 rồi thoát sông chính.
- Mạng lưới hệ thống thoát nước
 - + Đối với khu vực dân cư cũ: Xây dựng hệ thống thoát nước chung; nước thải của khu dân cư, các công trình công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của từng công trình rồi được dẫn qua hệ thống cống, rãnh dọc theo các trục đường chính và thoát ra các hệ thống kênh mương.
 - + Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong khu quy hoạch, hệ thống thoát nước thải phải đấu nối với hệ thống thoát nước thải của các đồ án này.
 - + Đối với các khu vực xây dựng mới, mở rộng hoặc chưa có hệ thống thoát nước sẽ xây dựng hệ thống cống thoát nước hai bên các trục đường rồi dẫn thoát ra hệ thống kênh mương khu vực. Đối với các khu dân cư tập trung quy hoạch mới, xây dựng hệ thống thoát nước riêng, nước thải sau khi được xử lý tại bể, khu xử lý chung, được đấu nối vào hệ thống thoát nước mặt và dẫn thoát ra kênh mương khu vực.
 - + Đối với các khu vực sản xuất công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng cho nước mưa và nước thải. Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải chung cho cụm công nghiệp và các trạm xử lý nước thải cục bộ trong từng nhà máy, cơ sở.
 - + Các tuyến cống chính được bố trí trên vỉa hè của các tuyến đường giao thông, có kích thước B500-B600, độ dốc từ 0,2% đến 0,25%.

6.6. Vệ sinh môi trường

6.6.1. Xử lý chất thải rắn

- Quy hoạch mở rộng khu xử lý rác thải sinh hoạt về phía Bắc với diện tích 0,37 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 0,7 ha.
- Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt trên địa bàn xã giai đoạn đầu được thu

gom và xử lý tại khu xử lý CTR tập trung của xã. Giai đoạn sau sẽ vận chuyển và đưa đến khu xử lý CTR vùng huyện để xử lý chung cho toàn huyện (theo định hướng quy hoạch xử lý CTR toàn tỉnh đã được phê duyệt).

- CTR công nghiệp cần phân loại ngay tại nguồn. CTR công nghiệp không nguy hại phải được chuyển đến khu xử lý chất thải rắn vùng huyện để xử lý. CTR công nghiệp nguy hại phải chuyển đến khu xử lý CTR được cấp phép để xử lý.

- Hình thức thu gom rác thải: Tổ chức thu gom CTR bằng xe đẩy tay, xe cơ giới, tập kết CTR tới bãi tập kết rác của các thôn. Đến năm 2030, trên 90% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom và xử lý bảo đảm môi trường.

6.6.2. Nghĩa trang nhân dân

- Quy hoạch mở rộng theo hướng khép kín một số khu nghĩa trang nhân dân hiện hữu, cụ thể:

+ Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân tại khu vực phía Bắc xã với diện tích 0,37 ha.

+ Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân phía Bắc xóm 15 cũ với diện tích 0,5 ha.

+ Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân phía Bắc xóm 6 cũ với diện tích 0,7 ha.

- Các khu nghĩa trang còn lại không định hướng mở rộng, thực hiện trồng cây xanh cách ly để bảo đảm môi trường.

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

* Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

- Đầu tư xây dựng các khu dân cư tập trung.

- Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học để đạt chuẩn.

- Đầu tư xây dựng các trục đường tại khu trung tâm xã, nâng cấp các đường trục xã, trục thôn xóm; các trục đường qua các khu chức năng quy hoạch mới (đường qua sân thể thao trung tâm xã, khu công viên cây xanh, khu dân cư tập trung,).

- Đầu tư xây dựng các khu dịch vụ thương mại.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước; hệ thống thông tin liên lạc).

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng xã hội cấp xã và thôn xóm: trụ sở công an xã, sân thể thao trung tâm xã, khu công viên cây xanh, trường học,

* Nguồn vốn:

Đa dạng hoá nguồn vốn từ các khu vực, thành phần kinh tế:

- Vốn ngân sách Nhà nước.
- Vốn huy động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

8. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: Ban hành kèm theo Quyết định này.

9. Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

- Tổ chức công khai đầy đủ, kịp thời tất cả các quy hoạch theo quy định, trong đó chú trọng tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin truyền thông, trên Cổng TTĐT và tích hợp trong cơ sở dữ liệu Quốc gia đảm bảo thuận tiện trong việc tìm hiểu, tra cứu và sử dụng thông tin.

- Tổ chức lập quy hoạch xây dựng chi tiết các điểm dân cư tập trung, các khu vực sản xuất, khu thương mại dịch vụ đã quy hoạch làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư nhằm tạo nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, trong đó chú trọng các vị trí đã có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà ở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác sau quy hoạch xây dựng bảo đảm đồng bộ các quy hoạch.

- Tiếp tục tranh thủ và huy động các nguồn lực từ ngân sách nhà nước các cấp, vốn nước ngoài và vốn xã hội hóa để xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ theo quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các cơ chế khuyến khích đầu tư của Trung ương, của Tỉnh, nhất là các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế,...

- Phối hợp quy hoạch và chuẩn bị mặt bằng tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư nâng cấp hạ tầng điện, nước, thông tin truyền thông,... đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Kêu gọi thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu, điểm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, ... trên địa bàn. Đồng hành cùng doanh nghiệp tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, mặt bằng sản xuất,...

10. Danh mục hồ sơ đồ án quy hoạch được phê duyệt

STT	Tên hồ sơ, bản vẽ
1	Thuyết minh quy hoạch
2	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch
3	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng
4	Bản đồ hiện trạng tổng hợp
5	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất

6	Bản đồ quy hoạch giao thông + thủy lợi
7	Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống thoát nước)
8	Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp điện + cấp nước)
9	Sơ đồ định hướng phát triển không gian
10	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược

(Chi tiết nội dung theo hồ sơ đồ án quy hoạch đính kèm)

Điều 2. Giao UBND xã Xuân Phú chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND xã Xuân Phú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Đ*✓

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy, HĐND huyện;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Cường